

Số: 3885 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Quy trình thực hành trong kiểm tra truy xuất nguồn gốc  
nguyên liệu thủy sản khai thác tại các doanh nghiệp chế biến**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 246/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;*

*Căn cứ Hiệp định về Biện pháp quốc gia có cảng (PSMA) của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO);*

*Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện các biện pháp khắc phục khuyến nghị của Ủy ban châu Âu tại đợt thanh tra lần thứ 5 về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 81/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bổ sung sửa đổi một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;*

*Căn cứ Quyết định số 3450/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện các biện pháp khắc phục khuyến nghị của Ủy ban châu Âu tại đợt thanh tra lần thứ 5 về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;*

*Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Tổ công tác liên ngành kiểm tra công tác truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác tại các doanh nghiệp; Quyết định số 1180/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 về việc kiện toàn Tổ công tác liên ngành giúp việc Ban Chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản;*

*Căn cứ Quyết định số 1145/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ và Hiệp định Biện pháp quốc gia có cảng;*

*Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2026 ban hành Quy trình kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 04 năm 2026 Ban hành Quy trình kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thực hành trong kiểm tra truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác tại các doanh nghiệp chế biến.

## **Điều 2. Mục đích ban hành**

1. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác sử dụng để chế biến, xuất khẩu vào thị trường Liên minh châu Âu (EU).

2. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) trong chuỗi sản xuất, xuất khẩu.

3. Đáp ứng yêu cầu, khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC) về chống khai thác IUU và thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Thủy sản và Kiểm ngư; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ph*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan (để p/h);
- Các Cục: TSKN, CCPT (để thực hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h);
- Các Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam và Hiệp hội Cá ngừ Việt Nam;
- Doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác (để th/h);
- Lưu: VT, CCPT.

*Phuoc*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Văn Hưng**

**QUY TRÌNH THỰC HÀNH**  
**Kiểm tra truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác**  
**tại các doanh nghiệp chế biến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy trình này hướng dẫn việc phối hợp thực hiện kiểm tra, đối chiếu, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác tại doanh nghiệp chế biến trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra theo quy trình này bao gồm: (i) Nhập khẩu nguyên liệu thủy sản khai thác; (ii) Thu mua nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước; (iii) Tiếp nhận, bảo quản, chế biến, lưu kho; (iv) Truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp; (v) Xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào các thị trường; (vi) Kiểm tra, giám sát, đối chiếu hồ sơ, dữ liệu và sản lượng thực tế tại doanh nghiệp.

3. Quy trình này không thay thế hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Quy trình này không quy định thêm điều kiện, thủ tục, hồ sơ, nghĩa vụ của doanh nghiệp ngoài quy định của pháp luật; trường hợp nội dung kiểm tra liên quan đến điều kiện, hồ sơ hoặc thủ tục đã được pháp luật chuyên ngành quy định thì thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành tương ứng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp chế biến thủy sản sử dụng nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để sản xuất, chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan gồm: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường); Cục Hải quan – Bộ Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu, chế biến, xuất khẩu thủy sản khai thác.

**Điều 3. Mục đích kiểm tra**

1. Kiểm tra tính hợp pháp, minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác dùng để chế biến xuất khẩu.

2. Đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của EU và các cam kết quốc tế về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

3. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi: (i) Hợp thức hóa nguyên liệu không rõ nguồn gốc; (ii) Gian lận truy xuất nguồn gốc nguyên liệu; (iii) Sử dụng nguyên liệu bất hợp pháp để chế biến xuất khẩu; (iv) Sai lệch giữa hồ sơ khai báo và thực tế sản xuất, xuất khẩu.

4. Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm soát nguyên liệu thủy sản khai thác chống IUU.

## **Chương II**

### **NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC KIỂM TRA**

#### **Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm khách quan, minh bạch, không chông chéo, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp và người dân.

3. Kết hợp kiểm tra hồ sơ với kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

4. Ưu tiên kiểm tra theo phương thức quản lý rủi ro, phân tích dữ liệu và dấu hiệu vi phạm.

5. Kết quả kiểm tra phải được lập biên bản, lưu hồ sơ và cập nhật phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc.

6. Không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại hồ sơ, tài liệu, dữ liệu mà cơ quan kiểm tra đã có hoặc có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trừ trường hợp cần đối chiếu, xác minh để phù hợp với dữ liệu số, số hoá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Dữ liệu.

#### **Điều 5. Hình thức kiểm tra**

1. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hằng năm.

2. Kiểm tra đột xuất khi: (i) Có dấu hiệu vi phạm; (ii) Có phản ánh, cảnh báo từ EC, cơ quan nước ngoài hoặc cơ quan chức năng; (iii) Có chênh lệch bất thường giữa hồ sơ nhập khẩu, sản xuất, tồn kho và xuất khẩu; (iv) Có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 6. Nội dung và phương pháp kiểm tra**

##### **1. Kiểm tra hồ sơ nguyên liệu nhập khẩu**

a) Hồ sơ nhập khẩu: kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Điều 50, Điều 51 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 cùng với các thành phần hồ sơ: (i) Tờ khai hải quan; (ii) Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương; (iii) Hóa đơn thương mại (trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán); (iv) Danh sách tên sản phẩm thủy sản nhập khẩu; (v) Giấy chứng nhận sức khỏe (giấy chứng nhận y tế); Báo cáo phân loại, cân đối chiếu sản lượng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai báo nhập khẩu bằng container (nếu có).

b) Kiểm tra: (i) Tính đầy đủ, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, chủng loài, sản lượng thủy sản nhập khẩu; (ii) Quốc gia khai thác, quốc gia cảng, tàu khai thác; (iii) Sự phù hợp của các hồ sơ, chứng từ liên quan đến lô nguyên liệu nhập khẩu

## **2. Kiểm tra hồ sơ nguyên liệu trong nước**

a) Hồ sơ thu mua nguyên liệu: (i) nhật ký khai thác (trong trường hợp pháp luật quy định phải có); (ii) Giấy biên nhận sản phẩm thủy sản khai thác bốc dỡ; (iii) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (SC); Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (CC); (iv) Hợp đồng mua bán; (v) hồ sơ, thông tin về tàu cá theo quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung cần xác minh.

b) Kiểm tra: (i) Tính đầy đủ, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, chủng loài, sản lượng thủy sản thu mua; (ii) tàu khai thác, vùng khai thác; (iii) Tổ chức cấp chứng từ và tính xác thực của chứng từ.

## **3. Kiểm tra nguyên liệu tại doanh nghiệp**

a) Kiểm tra tiếp nhận nguyên liệu: (i) Sổ theo dõi nhập kho; (ii) biên bản/chứng từ xác nhận khối lượng thực nhập vào nhà máy; (iii) Nhật ký tiếp nhận; (iv) Hồ sơ phân lô nguyên liệu thủy sản trong nước, nhập khẩu.

b) Kiểm tra thực tế: (i) Chủng loại; (ii) Quy cách/kích cỡ (nếu có); (iii) Sản lượng tồn kho; (iv) Tình trạng bảo quản nguyên liệu; (v) Mã nhận diện lô hàng nhập khẩu.

c) Đối chiếu: (i) Sản lượng nhập khẩu; (ii) Sản lượng đưa vào chế biến; (iii) Sản lượng xuất khẩu; (iv) Định mức sản xuất, tỷ lệ hao hụt; (v) Tồn kho thực tế.

## **4. Kiểm tra truy xuất nguồn gốc lô hàng xuất khẩu đi các thị trường yêu cầu**

a) Đối chiếu: (i) Hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu; (ii) Hồ sơ thu mua nguyên liệu; (iii) Hồ sơ sản xuất; (iv) Hồ sơ xuất khẩu; (v) Hồ sơ cấp chứng thư.

b) Kiểm tra khả năng truy xuất: (i) Từ thành phẩm xuất khẩu truy ngược về lô nguyên liệu và các hồ sơ có liên quan đến thu mua nguyên liệu; (ii) Từ lô nguyên liệu truy xuất đến các lô hàng xuất khẩu (bao gồm các lô xuất khẩu đi thị trường EU).

c) Kiểm tra việc minh bạch nguồn gốc: (i) Nguyên liệu nhập khẩu; (ii) Nguyên liệu trong nước; (iii) khối lượng nguyên liệu sử dụng để chế biến xuất khẩu theo từng thị trường.

## **5. Kiểm tra hệ thống quản lý dữ liệu**

a) Việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống dịch vụ công hoặc hệ thống điện tử theo quy định.

b) Hệ thống lưu trữ hồ sơ truy xuất nguồn gốc.

c) Thời gian lưu trữ hồ sơ.

d) Tính đầy đủ, liên tục và khả năng đối chiếu dữ liệu.

## **6. Biểu mẫu thực hiện**

Bản kiểm tra liên ngành công tác truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác tại doanh nghiệp chế biến dành cho Đoàn kiểm tra liên ngành của các cơ quan có thẩm quyền theo mẫu biểu ban hành kèm theo Quy trình này.

## **Điều 7. Trình tự kiểm tra**

Trình tự kiểm tra được thực hiện theo nội dung quy định từ Điều 11 đến Điều 16 Chương III Nghị định số 217/NĐ-CP ngày 05/08/2026 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

## **Điều 8. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp phát hiện vi phạm, đoàn kiểm tra: (i) Lập biên bản; (ii) Kiến nghị xử lý theo quy định; (iii) Chuyển cơ quan có thẩm quyền nếu có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng.

2. Trường hợp phát hiện dấu hiệu liên quan IUU hoặc gian lận nguồn gốc: (i) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét áp dụng biện pháp quản lý theo quy định pháp luật; (ii) Tăng cường kiểm tra đối với doanh nghiệp; (iii) Báo cáo cấp có thẩm quyền để phối hợp xử lý theo quy định.

## **Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

### **Điều 9. Trách nhiệm của Cục Thủy sản và Kiểm ngư**

1. Thực hiện thường trực của Tổ công tác liên ngành theo phân công tại Điều 4 Quyết định số Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Tổ công tác liên ngành kiểm tra công tác truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác tại các doanh nghiệp.

2. Trực tiếp thực hiện kiểm tra hồ sơ nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu theo PSMA và bằng tàu công ten nơ thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; kiểm tra hồ sơ thu mua nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước; cung cấp/đối chiếu dữ liệu nguồn gốc khai thác; xác minh thông tin tàu cá, vùng khai thác, SC/CC; phân tích rủi ro nguồn nguyên liệu; phối hợp xác minh dấu hiệu IUU.

3. Căn cứ dữ liệu khai báo của các tổ chức, cá nhân để phân tích dữ liệu, xác định đối tượng kiểm tra theo mức độ rủi ro và dấu hiệu vi phạm cung cấp cho Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xây dựng kế hoạch;

4. Phối hợp với Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và các cơ quan liên quan trong hoạt động kiểm tra khi có yêu cầu;

## **Điều 10. Trách nhiệm của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường**

1. Trực tiếp kiểm tra quá trình truy xuất nguồn gốc tại doanh nghiệp; chủ trì đối chiếu chuỗi sản xuất – xuất khẩu có sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc thủy sản khai thác được nhập khẩu, thu mua trong nước để chế biến, xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu (đối chiếu định mức sản xuất, tỷ lệ hao hụt, sản lượng xuất khẩu; kiểm tra hồ sơ cấp chứng thư xuất khẩu và hồ sơ an toàn thực phẩm...).

2. Chủ trì truy xuất nguồn gốc đối với các lô hàng xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu có dấu hiệu vi phạm

3. Tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện; đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện thẩm tra kết quả khắc phục của doanh nghiệp sau kiểm tra, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý để theo dõi, giám sát, đôn đốc việc khắc phục theo quy định.

5. Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả Quy trình; cập nhật, sửa đổi Quy trình khi quy định pháp luật, yêu cầu thị trường hoặc hệ thống dữ liệu thay đổi.

## **Điều 11. Trách nhiệm của Cục Hải quan**

1. Phối hợp cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và thông tin hồ sơ có liên quan đến việc thông quan các lô hàng thủy sản nhập khẩu, xuất khẩu theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc thủy sản.

2. Trực tiếp kiểm tra, xác minh hồ sơ hải quan liên quan đến các lô hàng có dấu hiệu gian lận thương mại, gian lận nguồn gốc hoặc vi phạm quy định IUU khi tham gia hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành.

3. Phối hợp triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ và khi có yêu cầu.

## **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương**

1. Phối hợp triển khai hoạt động kiểm tra liên ngành tại địa phương.

2. Phối hợp xác minh nguồn gốc nguyên liệu trong nước khi có yêu cầu.

3. Đôn đốc doanh nghiệp khắc phục tồn tại sau kiểm tra và theo dõi, giám sát việc khắc phục tồn tại sau kiểm tra của doanh nghiệp trên địa bàn.

4. Tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo theo yêu cầu.

## **Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp**

1. Thực hiện đầy đủ quy định về truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác chống khai thác IUU;

2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

3. Lưu trữ và cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ truy xuất trên toàn chuỗi thủy sản khai thác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ, chứng từ, dữ liệu và thông tin cung cấp.

4. Khắc phục các tồn tại sau kiểm tra theo đúng thời hạn và báo cáo kết quả khắc phục theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

#### **Điều 14. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, các đơn vị tổng hợp kết quả thực hiện gửi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

2. Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện vụ việc nghiêm trọng.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường chủ trì, phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư hướng dẫn, theo dõi và tổ chức triển khai thực hiện Quy trình này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Mẫu biểu

# KIỂM TRA LIÊN NGÀNH CÔNG TÁC TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC TẠI DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN

(Ban hành kèm theo số ..... của Cơ quan kiểm tra)

Tên Cơ quan quản lý  
Đơn vị chủ trì kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BB-KT

....., ngày tháng năm .....

## **BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Về kiểm tra liên ngành công tác truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản  
khai thác tại doanh nghiệp chế biến

Hôm nay, lúc giờ phút, ngày tháng năm 202.., tại Công ty .....địa chỉ tại.....

Đoàn kiểm tra theo Quyết định số .....ngày / /202.. của ..... về kiểm tra chấp hành quy định trong hoạt động truy xuất nguồn gốc thủy sản dùng để sản xuất, chế biến xuất khẩu theo quy định về chống khai thác IUU tiến hành làm việc với các nội dung như sau:

### **I. Thành phần làm việc**

1. Đại diện đoàn kiểm tra, gồm:

- .....  
-.....

2. Đại diện cơ sở được kiểm tra, gồm:

- .....  
- .....

3. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương (nếu có), gồm:

- .....
- .....

## II. Nội dung kiểm tra

Nội dung theo đề cương tại Quyết định số ... của .....

## III. Kết quả kiểm tra

| TT | Nội dung kiểm tra                                                                                                                                                                                                           | Kết quả |           | Diễn giải | Thời hạn khắc phục |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                             | Đạt     | Không đạt |           |                    |
| 1  | <b>Yêu cầu quy định của Việt Nam và thị trường yêu cầu</b>                                                                                                                                                                  |         |           |           |                    |
|    | a. Cập nhật đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                                                               |         |           |           |                    |
|    | b. Trình tự, thủ tục theo qui định IUU                                                                                                                                                                                      |         |           |           |                    |
|    | c. Hệ thống truy xuất nguồn gốc, gồm:                                                                                                                                                                                       |         |           |           |                    |
|    | - Quy trình kiểm soát chống trộn lẫn, minh bạch nguồn gốc (có CC và không CC, nhập khẩu và trong nước)                                                                                                                      |         |           |           |                    |
|    | - Quy định sắp xếp NL/BTP/TP trong kho bảo quản (để truy xuất, chống trộn lẫn, minh bạch)                                                                                                                                   |         |           |           |                    |
|    | - Quy trình từ chối, xử lý nguyên liệu không hợp lệ                                                                                                                                                                         |         |           |           |                    |
| 2  | Phân công, tổ chức thực hiện; năng lực của cán bộ được giao thực hiện kiểm soát IUU                                                                                                                                         |         |           |           |                    |
|    | a. Quy trình nội bộ, lưu đồ phân công đầy đủ                                                                                                                                                                                |         |           |           |                    |
|    | b. Năng lực đáp ứng (đào tạo nội bộ, truy cập đối chiếu, truy xuất)                                                                                                                                                         |         |           |           |                    |
|    | c. Công cụ nhập liệu, truy xuất đáp ứng                                                                                                                                                                                     |         |           |           |                    |
| 3  | <b>Sản xuất, chế biến nguyên liệu khai thác nhập khẩu</b>                                                                                                                                                                   |         |           |           |                    |
|    | <b>3.1. Nguyên liệu nhập khẩu theo PSMA</b>                                                                                                                                                                                 |         |           |           |                    |
|    | a. Tính đầy đủ hồ sơ nhập khẩu, Tờ khai báo theo yêu cầu đối với loài thủy sản phải kiểm soát và khai báo theo Mẫu số 20 Nghị định 41/2026/NĐ-CP trên hệ thống Dịch vụ công Bộ Nông nghiệp và Môi trường và hòm thư công vụ |         |           |           |                    |

| TT | Nội dung kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kết quả |           | Diễn giải | Thời hạn khắc phục |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đạt     | Không đạt |           |                    |
|    | b. Tính logic, phù hợp: CC, loài, khối lượng, quốc gia khai thác, tàu khai thác, vùng khai thác, hạn ngạch (nếu có) ..                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |           |           |                    |
|    | c. Có hồ sơ bằng chứng kiểm soát, đối chiếu nguồn gốc nguyên liệu, gồm: phân loại, cân, đưa vào sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |           |           |                    |
|    | d. Tính phù hợp thông tin của hồ sơ lưu trữ và thông tin khai báo trên hồ sơ đăng ký thẩm định, cấp giấy chứng nhận/xác nhận ( <i>số CC, tên tàu, quốc gia mang cờ, tổng khối lượng thủy sản khai thác...</i> ) giữa các chứng từ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định (CC, Giấy CNKD, Captain Statement, HC (nếu có)...) của hàng xá (PSMA)                                             |         |           |           |                    |
|    | <b>3.2. Nguyên liệu nhập khẩu bằng tàu container</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |           |           |                    |
|    | a. Tính đầy đủ hồ sơ nhập khẩu, Tờ khai báo theo yêu cầu đối với loài thủy sản phải kiểm soát và khai báo theo Mẫu số 22 Nghị định 41/2026/NĐ-CP trên hệ thống Dịch vụ công Bộ Nông nghiệp và Môi trường.                                                                                                                                                                              |         |           |           |                    |
|    | b. Tính logic, phù hợp: CC, loài, khối lượng, quốc gia khai thác, tàu khai thác, vùng khai thác, hạn ngạch (nếu có) ...                                                                                                                                                                                                                                                                |         |           |           |                    |
|    | c. Có hồ sơ bằng chứng kiểm soát, đối chiếu nguồn gốc nguyên liệu: cân, phân loại, đưa vào sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |           |           |                    |
|    | d. Tính phù hợp thông tin của hồ sơ lưu trữ và thông tin khai báo trên hồ sơ đăng ký thẩm định, cấp giấy chứng nhận/xác nhận ( <i>số CC, tên tàu, quốc gia mang cờ, tổng khối lượng thủy sản khai thác...</i> ) giữa các chứng từ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định (CC, HC, tờ khai hải quan, bill of lading, khai báo dữ liệu nhập khẩu container với Cục Thủy sản và Kiểm ngư,...) |         |           |           |                    |

| TT | Nội dung kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                      | Kết quả |           | Diễn giải | Thời hạn khắc phục |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đạt     | Không đạt |           |                    |
| 4  | <b>Nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước</b>                                                                                                                                                                                                                       |         |           |           |                    |
|    | a. Tính đầy đủ hồ sơ ( <i>lô nguyên liệu trong nước, hồ sơ sản xuất, hồ sơ xuất khẩu, nhật ký khai thác, biên nhận bốc dỡ/ SC/CC...</i> )                                                                                                                              |         |           |           |                    |
|    | b. Có hồ sơ bằng chứng kiểm soát đối chiếu nguồn gốc nguyên liệu                                                                                                                                                                                                       |         |           |           |                    |
|    | c. Tính logic, phù hợp : tàu, vùng khai thác, loài, sản lượng, thời gian khai thác,..                                                                                                                                                                                  |         |           |           |                    |
|    | d. Tính phù hợp thông tin của hồ sơ lưu trữ và thông tin khai báo trên hồ sơ đăng ký thẩm định, cấp giấy chứng nhận/xác nhận ( <i>ngày lên cá, vùng khai thác; khối lượng, chủng loại nguyên liệu sử dụng trên SC, CC</i> ) với thông tin lô hàng xuất khẩu (HC), ...) |         |           |           |                    |
|    | e. Tính phù hợp giữa SC/CC (về số lượng/chủng loại/vùng khai thác,...) với hồ sơ giám sát SX, đặc biệt hồ sơ TNNL và khai báo của đại lý và thông tin trên giấy đăng ký cấp HC                                                                                         |         |           |           |                    |
| 5  | <b>Khả năng truy cập, truy xuất thông tin</b>                                                                                                                                                                                                                          |         |           |           |                    |
|    | a. Hồ sơ thực hiện (hồ sơ sản xuất, hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ IUU,...)                                                                                                                                                                                           |         |           |           |                    |
|    | b. Khả năng truy xuất thông tin trong toàn chuỗi: mã lô nguyên liệu, truy xuất theo chiều xuôi (từ nguyên liệu đến thành phẩm xuất khẩu), theo chiều ngược (từ thành phẩm đến nguyên liệu), minh bạch nguồn gốc                                                        |         |           |           |                    |
|    | c. Phương thức lưu trữ (khoa học, dễ truy cập, dễ đối chiếu):                                                                                                                                                                                                          |         |           |           |                    |

| TT  | Nội dung kiểm tra                                                                                                                                                                       | Kết quả |           | Diễn giải | Thời hạn khắc phục |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------------|
|     |                                                                                                                                                                                         | Đạt     | Không đạt |           |                    |
| 6   | <b>Chế biến, xuất khẩu</b>                                                                                                                                                              |         |           |           |                    |
|     | a. Có hồ sơ sản xuất, xuất khẩu đầy đủ (CC, PS, HC, tờ khai hải quan, HACCP, GMP)                                                                                                       |         |           |           |                    |
|     | b. Đúng thực tế sản xuất                                                                                                                                                                |         |           |           |                    |
|     | c. Có theo dõi nhập liệu cân trừ phù hợp định mức                                                                                                                                       |         |           |           |                    |
|     | d. Đối chiếu, đối khớp đầu vào và đầu ra                                                                                                                                                |         |           |           |                    |
| 7   | <b>Quản lý và xử lý tồn kho</b>                                                                                                                                                         |         |           |           |                    |
|     | a. Nguyên liệu/bán thành phẩm/thành phẩm tồn được bảo quản phù hợp khối lượng/chủng loại và hồ sơ SX, bảo quản nhập xuất: phân khu riêng, nhận diện, phù hợp thực tế, kiểm soát tồn kho |         |           |           |                    |
|     | b. Bảng theo dõi trừ tồn đầy đủ/ phù hợp (so sánh với hồ sơ sản xuất, hồ sơ IUU, bảng theo dõi trừ tồn, thực tế tại kho, đối khớp cơ sở dữ liệu của cơ quan thẩm quyền)                 |         |           |           |                    |
| 8   | <b>Các nội dung khác (nếu có)</b>                                                                                                                                                       |         |           |           |                    |
| 8.1 | .....                                                                                                                                                                                   |         |           |           |                    |

IV. Nhận xét và kiến nghị: .....

V. Ý kiến của cơ sở .....

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**Đại diện cơ sở**  
(Ký, ghi đầy đủ họ, tên)

**Đại diện Đoàn kiểm tra**  
**Trưởng đoàn**  
(Ký, ghi đầy đủ họ, tên)